

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 1376/KH-TTYT ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về hoạt động năm 2026.

Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐKHKT ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng Khoa học Kỹ thuật – Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về việc xét duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026.

Nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động; chuẩn bị đội ngũ viên chức y tế đạt trình độ tiêu chuẩn cao cho kế hoạch phát triển.

Qua xem xét đạo đức và năng lực công tác của các viên chức trong thời gian qua tại Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, nay đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Đào tạo đội ngũ viên chức, người lao động Trung tâm Y tế có trình độ chuyên môn kỹ thuật, có trình độ lý luận chính trị và quản lý nhà nước, đáp ứng được tiêu chuẩn theo vị trí việc làm; đồng thời nâng cao chất lượng trong công tác khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai tới toàn thể viên chức, người lao động tại Trung tâm Y tế.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định, khoa học, phù hợp với nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của Trung tâm Y tế.

- Các cá nhân sau khi đào tạo phát huy có hiệu quả những kiến thức đã được đào tạo, phân công vị trí việc làm phù hợp sau khi hoàn thành đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kỹ năng quản lý.

II. NỘI DUNG

1. Đào tạo sau đại học:

- Để đảm bảo nhân lực phù hợp thực tế và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, Trung tâm Y tế tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo sau đại học Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II. Năm 2026, ưu tiên đào tạo các ngành chuyên môn Y tế tại Đại học

Y Dược thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, một số chức danh chuyên môn dùng chung cũng được xây dựng kế hoạch cử đi đào tạo trong năm 2026.

- Số lượng dự kiến:

+ Thạc sĩ: 03;

+ Tiến sĩ: 01;

+ Chuyên khoa I: 09;

+ Chuyên khoa II: 03;

2. Đào tạo chuyên môn ngắn hạn:

- Cử viên chức đi đào tạo các kỹ thuật mới tại các bệnh viện lớn như: Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Đại học Y Dược khu vực Hồ Chí Minh, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương, Bệnh viện Nguyễn Tri Phương,... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật đồng thời liên kết với các Bệnh viện tuyến trên có chuyên môn cao cử cán bộ có trình độ chuyên sâu về hỗ trợ Trung tâm Y tế.

- Số lượng dự kiến: 53.

- Việc cử viên chức, người lao động tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ bằng các hình thức trực tuyến và trực tiếp tùy vào tình hình thực tế và nhu cầu của đơn vị.

3. Đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước:

- Nhằm đáp ứng yêu cầu các chức danh vị trí việc làm, chức danh quy hoạch cán bộ, nhu cầu nâng cao năng lực quản lý đối với viên chức quản lý. Trung tâm Y tế cử viên chức tham gia các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng về trình độ quản lý nhà nước, chính trị, quản lý cấp phòng.

- Số lượng dự kiến: 06

(đính kèm Danh sách đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm 2026)

III. KINH PHÍ ĐÀO TẠO

1. Quỹ phát triển sự nghiệp của Trung tâm Y tế;
2. Nguồn từ các Dự án của Bộ và các dự án phi chính phủ;
3. Nguồn từ Ngân sách.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch này sau khi được Lãnh đạo Trung tâm Y tế phê duyệt. Hỗ trợ các thủ tục hành chính cho viên chức tham gia đào tạo; báo cáo cho Sở Y tế kế hoạch và kết quả thực hiện của viên chức tại Trung tâm Y tế.

2. Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm tham mưu các thủ tục, hỗ trợ viên chức thực hiện và hoàn thành quyết toán theo quy định.

3. Các khoa, phòng có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch này theo điều kiện thực tế của đơn vị; tạo điều kiện, giúp đỡ cho viên chức chủ động hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Sau khi viên chức kết thúc chương trình đào tạo, các khoa, phòng có trách nhiệm theo dõi, đánh giá việc ứng dụng kết quả đào tạo và báo cáo các phòng chức năng theo yêu cầu.

4. Mỗi cá nhân được cử đi đào tạo phải cam kết trước khi được đào tạo theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ đồng thời có trách nhiệm bàn giao công việc khi tham gia các khóa đào tạo; tham dự đầy đủ các buổi học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc được giao. Sau khi nhận được các chứng chỉ, bằng cấp, mỗi cá nhân phải nộp một bản sao cho phòng Tổ chức Hành chính lưu hồ sơ.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động Trung tâm Y tế khu vực Thuận An năm 2026. Đề nghị tất cả các khoa, phòng nghiêm túc thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, TCHC (Tr).

GIÁM ĐỐC



Phan Quang Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026 (DÀI HẠN)
(Kèm theo Kế hoạch số 90 /KH-TTĐT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN



STT	Họ và Tên	Năm sinh		Chức vụ - Chức danh	Mã ngành/ Mã chức danh nghề nghiệp	Trình độ chuyên môn hiện tại		Đăng ký đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ		Cơ sở đào tạo dự kiến dự thi	Khoa/phòng công tác	Thời gian đào tạo	Kinh phí dự kiến
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ	Chuyên ngành				
SAU ĐẠI HỌC													
1	Lương Thiện Tích	1973		Phó Giám đốc	V.08.01.02	CKII	Chẩn thương chính hình	Tiến sĩ	Y tế công cộng	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Ban giám đốc	3 năm	240,000,000
2	Nguyễn Thị Thuận		1986	Trưởng khoa nhi - BS CKI	V08.01.03	CK1	Nhi khoa	CK2	Nhi sơ sinh	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	Khoa Nhi	2 năm	150,000,000
3	Nguyễn Thị Trà Giang		1992	Trưởng phòng - BS CKI	V08.01.03	CK1	Nội tiết	CK2	Quản lý Y tế	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch/Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Phòng KHNV	2 năm	250,000,000
4	Lê Thanh Hải	1986		Trưởng phòng - YTCC hạng III	V.08.04.10	Cử nhân	Y tế công cộng	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Đại học Y Dược Cần Thơ	Phòng Tổ chức Hành chính	3 năm	170,000,000
5	Trương Trần Phương Thảo		1994	Viên chức-Bác sĩ YHCT	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y học cổ truyền	Chuyên khoa I	Y học cổ truyền	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/ Trường đại học Y Dược Cần Thơ	Khoa YHCT-PHCN	2 năm (Tập trung)	150,000,000
6	Nguyễn Thị Thủy Trang		1995	Viên chức - BSEDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	CKI	Nội khoa	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Hội sức tích cực và chống độc	2 năm	75,000,000
7	Kim Ngọc Thu	1996		Viên chức - BSEDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	CKI	Hội sức cấp cứu	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Hội sức tích cực và chống độc	2 năm	75,000,000
8	Thái Vĩnh Thiện	1999		Viên chức-Bác sĩ	V.08.01.03	Đại học	Ngoại khoa	CKI	Ngoại tổng quát	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Ngoại tổng hợp	2 năm	150,000,000
9	Hồ Danh Toại	1992		Viên Chức - KTV hình ảnh	V.08.07.18	Đại học	KT hình ảnh	Thạc sĩ	Kỹ thuật hình ảnh	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh/Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	CĐHA	2 năm	150,000,000
10	Huỳnh Thanh Triệu	1987		Viên chức-Bác sĩ	V.08.01.03	Đại Học	Bác sĩ Đa Khoa	CKI	Tâm Thần	Trường Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh/Trường Y Dược Phạm Ngọc Thạch	Khám Bệnh	2 Năm	130,000,000

[illegible]

2,156,400,000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026 (DÀI HẠN)
(Kèm theo Kế hoạch số 40/KH-TTĐT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN



STT	Họ và Tên	Năm sinh		Chức vụ - Chức danh	Mã chức danh nghề	Trình độ chuyên môn		Đăng ký đào tạo chuyên		Cơ sở đào tạo dự kiến dự thi	Khoa/phòng công tác	Thời gian đào tạo	Kinh phí dự kiến
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ	Chuyên ngành				
SAU ĐẠI HỌC													
1	Lương Thiên Tích	1973		Phó Giám đốc	V.08.01.02	CKII	Chẩn thường chính hình	Tiến sĩ	Y tế công cộng	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Ban giám đốc	3 năm	240,000,000
2	Nguyễn Thị Thuận		1986	Trưởng khoa nhi - BS CKI	V08.01.03	CK1	Nhi khoa	CK2	Nhi sơ sinh	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh	Khoa Nhi	2 năm	150,000,000
3	Nguyễn Thị Trà Giang		1992	Trưởng phòng - BS CKI	V08.01.03	CK1	Nội tiết	CK2	Quản lý Y tế	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch/Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Phòng KHNV	2 năm	250,000,000
4	Lê Thanh Hải	1986		Trưởng phòng - YTCC hạng III	V.08.04.10	Cử nhân	Y tế công cộng	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Đại học Y Dược Cần Thơ	Phòng Tổ chức Hành chính	3 năm	170,000,000
5	Trương Trần Phương Thảo		1994	Viên chức-Bác sĩ YHCT	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y học cổ truyền	Chuyên khoa I	Y học cổ truyền	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y Dược Cần Thơ	Khoa YHCT-PHCN	2 năm (Tập trung)	150,000,000
6	Nguyễn Thị Thùy Trang		1995	Viên chức - BSĐK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	CKI	Nội khoa	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Hội sức tích cực và chống độc	2 năm	75,000,000
7	Kim Ngọc Thu	1996		Viên chức - BSĐK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ đa khoa	CKI	Hội sức cấp cứu	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Hội sức tích cực và chống độc	2 năm	75,000,000
8	Thái Vĩnh Thiện	1999		Viên chức-Bác sĩ	V.08.01.03	Đại học	Ngoại khoa	CKI	Ngoại tổng quát	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Ngoại tổng hợp	2 năm	150,000,000
9	Hồ Danh Toại	1992		Viên Chức - KTV hình ảnh	V.08.07.18	Đại học	KT hình ảnh	Thạc sĩ	Kỹ thuật hình ảnh	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	CDHA	2 năm	150,000,000
10	Huỳnh Thanh Triệu	1987		Viên chức-Bác sĩ	V.08.01.03	Đại Học	Bác sĩ Đa Khoa	CKI	Tâm Thần	Đại học Y Dược TP Hồ Chi Minh/ Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Khám Bệnh	2 Năm	130,000,000

[illegible]



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHU VỰC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026 (NGÂN HẠN)
(Kèm theo Kế hoạch số 41/KH-TT/TT ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An)

STT	Họ và Tên	Năm sinh		Chức vụ - Chức danh	Mã ngành/ Mã chức danh nghề nghiệp	Trình độ chuyên môn hiện tại		Đăng ký đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ		Cơ sở đào tạo dự kiến thi	Khoa/phòng công tác	Thời gian đào tạo	Kinh phí dự kiến
		Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành	Trình độ	Chuyên ngành				
Viên chức													
1	Huỳnh Thanh Hải	1988		Viên chức - Phó trưởng khoa	V.08.01.03	CK1	Hồi sức cấp cứu	Chứng chỉ		Bệnh viện Chợ Rẫy	Cấp cứu	6-12 tháng	885,101,800
2	Ngô Thiên Lan Phương		2000	Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao đẳng	Đa khoa	Chứng chỉ	Chăm sóc giảm nhẹ	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	Cấp cứu	03 - 06 tháng	75,000,000
3	Vũ Thị Yến		1984	Điều dưỡng trưởng - Điều dưỡng	V.08.05.12	Đại học	Đa khoa	Chứng chỉ	PHCN Nhi hô hấp	BV Nhi Đồng 2/ BV PHCN và Điều trị Bệnh nghề nghiệp/ BV PHCN Bình Dương	Khoa YHCT-PHCN	3-6 tháng	20,000,000
4	Đỗ Thị Hào		1986	Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao Đẳng	Điều dưỡng	Chứng chỉ	PHCN Nhi	BV Nhi Đồng 2/ BV PHCN và Điều trị Bệnh nghề nghiệp/ BV PHCN Bình Dương	Khoa YHCT-PHCN	6 tháng	15,000,000
5	Hoàng Khắc Tâm	1996		Viên chức- Bác sĩ YHCT	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Chứng chỉ	Cây chi	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh/ BV Y học cổ truyền Thành phố HCM	Khoa YHCT-PHCN	3 tháng	10,000,000
6	Nguyễn Thị Bảo Châu		1992	Viên chức - Bác sĩ	V08.01.03	Đại học	BSDK	chứng chỉ	Nhi sơ sinh	Bệnh Viện Từ Dũ	Khoa Nhi	3 tháng	16,000,000
7	Hồ Thị Thủy Tiên		1999	Viên chức - Bác sĩ	V08.01.03	Đại học	BSDK	chứng chỉ	Nhi sơ sinh	Bệnh Viện Từ Dũ	Khoa Nhi	3 tháng	16,000,000
8	Lê Thị Hồng Phương		1990	Viên chức - Điều dưỡng	V08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	chứng chỉ	Nhi sơ sinh	Bệnh Viện Từ Dũ	Khoa Nhi	3 tháng	16,000,000
9	Nguyễn Thị Hải Oanh		1995	Viên chức - Điều dưỡng	V08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	chứng chỉ	Nhi sơ sinh	Bệnh Viện Từ Dũ	Khoa Nhi	3 tháng	16,000,000
10	Nguyễn Trần Duy Tân	1998		Viên chức BS RHM	V.08.01.03/ Bác sĩ hạng III	Đại học	Răng hàm mắt	chứng chỉ	Phẫu thuật Hàm Mắt	Bệnh viện Răng Hàm Mắt Trung Ương TP HCM	Liên Chuyên Khoa	6 tháng	50,000,000
11	Lê Thị Huyền		1987	Viên chức - BS CKI	V.08.01.03/ Bác sĩ hạng III	Đại học	Nhãn khoa	chứng chỉ	Phẫu thuật Phaco	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Liên Chuyên Khoa	6 tháng	50,000,000
12	Huỳnh Huỳnh Thơ		1990	Viên chức - BS CKI	V.08.01.03/ Bác sĩ hạng III	Đại học	Tai mũi họng	chứng chỉ	Đo thính lực	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Liên Chuyên Khoa	3 tháng	8,000,000
13	Phạm Văn Sám	1980		Viên chức - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Nội tổng quát	Sơ bộ	Thần nhân tạo cơ bản	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hồi sức tích cực và chống độc	03 tháng	18,000,000
14	Phạm Văn Sám	1980		Viên chức - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Nội tổng quát	Sơ bộ	Kỹ thuật lọc máu hấp phụ bằng quá lọc Resin	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hồi sức tích cực và chống độc	01 tháng	6,000,000
15	Huỳnh Ngọc Ân	1984		Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.12	Đại học	Điều dưỡng	Sơ bộ	Kỹ thuật lọc máu hấp phụ bằng quá lọc Resin	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hồi sức tích cực và chống độc	01 tháng	3,750,000
16	Lê Thị Huệ		1992	Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	Sơ bộ	Kỹ thuật lọc máu hấp phụ bằng quá lọc Resin	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hồi sức tích cực và chống độc	01 tháng	3,750,000
17	Ngô Mộc Huyền Trân		1998	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	Sơ bộ	Điều trị thay thế thân liên tục và thay huyết tương dành cho Bác sĩ	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hồi sức tích cực và chống độc	03 tháng	18,000,000

18	Phạm Thị Thanh Tiên		2000	Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	Sơ bộ	Điều trị thay thế thân liên tục và thay huyết tương dành cho Điều dưỡng	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hỏi sức tích cực và chống độc	03 tháng	11.250.000
19	Phạm Thị Quỳnh Như		1999	Viên chức - Điều dưỡng	V.08.05.13	Cao đẳng	Điều dưỡng	Sơ bộ	Điều trị thay thế thân liên tục và thay huyết tương dành cho Điều dưỡng	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hỏi sức tích cực và chống độc	03 tháng	11.250.000
20	Nguyễn Hoàng Khai		1999	Viên chức- BSDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	Chứng chỉ	Chứng chỉ nội soi tiết niệu cơ bản-3 tháng; Chứng chỉ nội soi tiết niệu nâng cao- 3 tháng hoặc Nội soi tiết niệu cơ bản và nâng cao 6 tháng	Đại học Y Dược Cần Thơ/ Bệnh viện Bình Dân	Khoa Ngoại Tổng hợp	03 Tháng	9.000.000
22	Hồ Văn Hoat		1990	Viên chức- BS CKI	V.08.01.03	CKI	Ngoại khoa	Chứng chỉ	Vị phẫu-tạo hình Sinh thiết, chẩn đoán và điều trị tổn thương tuyến vú, các khối u, hạch dưới hướng dẫn hình ảnh học	Bệnh viện chợ rẫy/BV CTCH TP HCM	Ngoại tổng hợp	3 tháng	18.000.000
23	Phạm Hồng Thắng		1999	Viên chức- BSDK	V.08.01.03	Đại học	Y khoa	Chứng chỉ	Sinh thiết, chẩn đoán và điều trị tổn thương tuyến vú, các khối u, hạch dưới hướng dẫn hình ảnh học	Bệnh viện Ung Bướu, Chợ Rẫy, BV DHYD TP HCM,	CBHA	01 tháng	18.000.000
24	Trần Thị Thủy Huyền		1998	Viên chức- BSDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ y khoa	Chứng chỉ	Sinh thiết, chẩn đoán và điều trị tổn thương tuyến vú, các khối u, hạch dưới hướng dẫn hình ảnh học	BV Nhi Đồng 1	CBHA	06 tháng	24.000.000
25	Lê Đình Long		1990	Viên chức- BSDK	V.08.01.03	Đại học	Đa khoa	Chứng chỉ	Quản lý điều dưỡng	Bệnh viện Ung Bướu, Chợ Rẫy, Bệnh viện Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	CBHA	01 tháng	18.000.000
26	Hồ Danh Toai		1994	Viên Chức - KTV hình ảnh	V.08.07.20	Đại học	KT hình ảnh	Chứng chỉ	Quản lý an toàn bức xạ	Đại học Y dược TP HCM, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	CBHA	3 tháng	10.000.000
27	Đông Văn Tùng		1983	Phó trưởng khoa - Bác sĩ	V.08.01.03	CKI	Chẩn đoán hình ảnh	Chứng chỉ	Quản lý an toàn bức xạ	Sở Khoa học Công nghệ	CBHA	1 tuần	5.000.000
28	Vũ Thị Hồng Nhung		1995	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại Học	Bác sĩ Đa Khoa	Chứng chỉ	Lớp chuyên Tim mạch	Bệnh Viện Chợ Rẫy TP HCM	Khám Bệnh	6-12 tháng	150.000.000
29	Hoàng Thị Kim Liên		1991	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại Học	Bác sĩ Đa Khoa	Chứng chỉ	Nội Tiết	Bệnh Viện Chợ Rẫy TP HCM	Khám Bệnh	3 tháng	40.000.000
30	Nguyễn Đình Khang		1999	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại học	Đa khoa	Chứng chỉ	Lớp chuyên Tim mạch	Bệnh Viện Chợ Rẫy TP HCM	Cấp cứu	6 tháng	75.000.000
31	Đông Thị Nhân		1989	Viên chức - Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Chứng chỉ KTTT	Kế toán	Trực tuyến	Tài chính kế toán	1 tháng	2.600.000
32	Nguyễn Thị Kiều Linh		1996	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại Học	Bs Đa Khoa	Nghân hạn	Gây tê thần thần kinh bằng máy siêu âm	Trường Đại học y khoa Phạm Ngọc Thạch hoặc Đại Học Y Dược- TP HCM	PT-GMHHS	03 Tháng	20.000.000
33	Nguyễn Thị Hoàng		1986	Viên chức - Điều dưỡng	V08.05.12	Đại Học	Điều dưỡng GMHS	Nghân hạn	Hỏi sức ngoại	Bệnh Viện Chợ Rẫy hoặc 512 giường	PT-GMHHS	03 Tháng	12.000.000
34	Nguyễn Biên Cương		1987	Viên chức - Điều dưỡng	V08.05.14	Cao Đẳng	Điều dưỡng	Nghân hạn	Lớp điều dưỡng dùng cu cơ bản	Bệnh viện Chợ Rẫy	PT-GMHHS	03 tháng	11.000.000
35	Phạm Duy Tinh		1989	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	Đại học	Bác sĩ	siêu âm	siêu âm hình thái học	Bệnh viện Từ Dũ	khoa sản	3 tháng	30.000.000

36	Trương Thị Trinh	1977	Trưởng khoa - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Sân Phụ Khoa	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
37	Nguyễn Văn Mạnh	1990	Phó Trưởng khoa - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Sân Phụ Khoa	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
38	Hoàng Văn Mạnh	1996	Viên chức - BSDK	V.08.01.03	CKI	Sân Phụ Khoa	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
39	Lý Trần Như Thủy	1983	Viên chức - Hộ sinh	V.08.06.15	Đại học	Hộ sinh	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
40	Nguyễn Thị Loan	1994	Viên chức - Hộ sinh	V.08.06.16	Cao đẳng	Hộ sinh	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
41	Lê Như Quế	1990	Viên chức - Hộ sinh	V.08.06.17	Cao đẳng	Hộ sinh	chứng chỉ CME	chứng chỉ nuôi con bằng sữa mẹ	Trục tuyến	Khoa Phụ Sản	3-5 ngày	300.000
42	Trần Thanh Thảo	1984	Viên chức - Hộ sinh	V.08.07.18	Đại học	Xét nghiệm	Đánh giá nội bộ hệ thống QLCLXN	QLCLXN	TTKC TP HCM	Xét nghiệm	3-5 ngày	3.000.000
43	Lê Thị Nhân	1985	Viên Chức - KTV xét nghiệm	V.08.07.18	Đại học	Xét nghiệm	Những vấn đề cơ bản trong đảm bảo chất lượng XN	QLCLXN	TTKC TP HCM	Xét nghiệm	3-5 ngày	2.000.000
44	Trần Thị Hồng Hạnh	2000	Viên Chức - KTV xét nghiệm	V.08.07.18	Đại học	Xét nghiệm	Cải tiến liên tục HT QLCLXN	QLCLXN	TTKC TP HCM	Xét nghiệm	3-5 ngày	2.500.000
45	Phan Thị Trang	1995	Viên Chức - KTV xét nghiệm	V.08.07.19	KTV	Xét nghiệm	Nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm	QLCLXN	TTKC TP HCM	Xét nghiệm	3-5 ngày	2.500.000
46	Nguyễn Thị Hoa	1994	Viên Chức - KTV xét nghiệm	V.08.07.19	KTV	Xét nghiệm	Ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm	QLCLXN	TTKC TP HCM	Xét nghiệm	3-5 ngày	2.500.000
47	Lưu Thị Hoài Ngân	1987	Viên Chức - KTV xét nghiệm	V.08.07.19	KTV	Xét nghiệm	Truyền máu hiện đại: Những thách thức và xu hướng mới	QLCLXN	TTKC ĐHYD	Xét nghiệm	3-5 ngày	2.500.000
48	Trần Thị Hoài Thu	1993	Điều dưỡng trưởng - Điều dưỡng	V.08.05.14	Đại học	Cử nhân điều dưỡng	Bồi dưỡng	Quản lý điều dưỡng	Đại học Y được TP HCM, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Nội tổng hợp	3 tháng	10.000.000
49	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1987	Viên chức-BSCKI	V.08.01.03	CKI	Nội thần kinh	Chứng chỉ	Tiêu sơ huyết	Đại học Y được TP HCM, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Bệnh viện 115	Nội tổng hợp	6 tháng	18.000.000
50	Trần Ngọc Mỹ Tiên	1994	Viên chức - Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng	Dược	Bồi dưỡng	Văn thư lưu trữ	Cơ sở đào tạo	Phòng KHNH	4 tuần	4.000.000
51	Lê Thị Ngọc Châu	1982	Viên chức - Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng	Dược	Chứng chỉ	Lớp tập huấn GSP	Trục tuyến	Khoa Dược	1 ngày	2.000.000
52	Lê Hằng Nga	1995	Viên chức - Dược sĩ	V.08.08.22	CKI	Dược	Chứng chỉ	Lớp tập huấn GSP	Trục tuyến	Khoa Dược	1 ngày	2.000.000
53	Trần Hoàng Nhật	1990	Viên chức - Kỹ sư CNSH	V.05.02.07	Đại học	Công nghệ sinh học	Chứng chỉ	Giám sát KSNK	ĐHYK Phạm Ngọc Thạch	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	3 tháng	9.500.000
Hợp đồng (chỉ cử đi đào tạo sau khi trúng tuyển viên chức)												
1	Trần Thị Sương	2000	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Bác sĩ y khoa	Sơ bộ	Hỏi sức cấp cứu	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hỏi sức tích cực và chống độc	03 tháng	18.000.000
2	Trần Nguyễn Anh Tuấn	1998	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Bác sĩ y khoa	Sơ bộ	Điều trị thay thế thần kinh tủy và thay huyết tương dành cho Bác sĩ	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hỏi sức tích cực và chống độc	03 tháng	18.000.000

3	Dương Thanh Nhung	2003	Hợp đồng - Điều dưỡng		Cao đẳng	Điều dưỡng	Sơ bộ	Điều trị thay thế thân liên tục và thay huyết tương dành cho Điều dưỡng	Bệnh viện Chợ Rẫy	Hội sức tích cực và chống độc	03 tháng	11.250.000
4	Trần Hoàng Văn Anh	2000	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Y đa khoa	Chứng chỉ	Nội soi tiêu hoá	Bệnh viện Chợ Rẫy	Ngoại tổng hợp	6 tháng	72.000.000
5	Bùi Phạm ReMy	1998	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Ngoại khoa	Chứng chỉ	Phẫu thuật nội soi ổ bụng cơ bản	Bệnh viện Chợ Rẫy	Ngoại tổng hợp	3 tháng	36.000.000
6	Nguyễn Thanh Tuấn	1999	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Y đa khoa	chứng chỉ	ngoại thần kinh - cột sống	Bệnh viện Chợ Rẫy	Ngoại tổng hợp	6 tháng	72.000.000
7	Đào Thị Yên	2000	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Y đa khoa	Chứng chỉ	Hội sức cấp cứu	Bệnh viện Chợ Rẫy	Khoa Truyền Nhiễm	3-6 tháng	36.000.000
8	Nguyễn Lê Thủy Ngọc	2002	Hợp đồng - Dược CD		Cao đẳng	Dược	Bồi dưỡng	Văn thư lưu trữ	Cơ sở đào tạo	Phòng TCHC	4 tuần	3.000.000
9	Nguyễn Văn Bá Phúc	2000	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Y đa khoa	Chứng chỉ	Ngoại tiết niệu	Đại học Y Dược Cần Thơ: Chứng chỉ nội soi tiết niệu cơ bản-3 tháng hoặc Bệnh viện Bình Dân: Nội soi tiết niệu cơ bản 6 đến 12 tháng	Ngoại tổng hợp	03 tháng	9.000.000
10	Huỳnh Kim Văn Lương	2000	Hợp đồng - BSDK		Đại học	Y đa khoa	Chứng chỉ	Tìm Mách	Bệnh Viện Chợ Rẫy TP HCM	Khám Bệnh	6 tháng (tháng 01-06/2026)	36.000.000
TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ												
1	Lương Thiện Tích	1973	Phó Giám đốc	V.08.01.02	CKII	Chẩn thương chỉnh hình	Chứng chỉ	Cao cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Ban Giám đốc	12 tháng	38.000.000
2	Nguyễn Thị Hồng	1995	Viên chức/KTV	V.08.07.18	Đại học	KTV XN	Chứng chỉ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Phòng Tổ chức Hành chính	12 tháng	33.000.000
3	Lê Thanh Hải	1986	Trưởng phòng - YTCC hạng III	V.08.04.10	Đại học	Y tế công cộng	Chứng chỉ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Phòng Tổ chức Hành chính	12 tháng	33.000.000
4	Thạch Minh Hanh	1991	Trưởng khoa - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Hội sức cấp cứu	Chứng chỉ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Khoa Nội tổng hợp	12 tháng	33.000.000
5	Nguyễn Thị Thuần	1986	Trưởng khoa - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Nhi	Chứng chỉ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Khoa Nhi	12 tháng	33.000.000
6	Huỳnh Thanh Hải	1986	Phó Trưởng khoa - BSCKI	V.08.01.03	CKI	Hội sức cấp cứu	Chứng chỉ	Trung cấp lý luận chính trị	Trường Chính trị	Khoa Cấp cứu	12 tháng	33.000.000

Tổng kinh phí đào tạo

1,399,351,800

VND

✓